

Công ty cổ phần Long Hậu

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính giữa niên

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2015

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		764.179.932.475	803.573.197.566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.310.453.065	118.805.441.745
1. Tiền	111	V.1	15.671.853.984	33.558.790.944
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	43.638.599.081	85.246.650.801
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.814.081.479	1.678.374.142
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.814.081.479	1.678.374.142
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		410.096.132.913	409.466.037.007
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	386.016.564.355	392.520.059.355
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.523.365.247	4.276.695.999
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	15.556.203.311	12.669.281.653
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		291.160.967.125	272.148.487.049
1. Hàng tồn kho	141	V.7	291.160.967.125	272.148.487.049
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.798.297.893	1.474.857.623
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.624.083.477	1.300.643.207
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		174.214.416	174.214.416
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		664.575.267.016	671.986.180.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.496.760.532	56.496.760.532
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	51.496.760.532	51.496.760.532
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		57.028.022.753	58.321.017.075
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	56.482.848.252	57.817.854.232
- Nguyên giá	222		83.407.408.052	83.295.088.052
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.924.559.800)	(25.477.233.820)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-

Công ty cổ phần Long Hậu

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính giữa niên

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	545.174.501	503.162.843
- Nguyên giá	228		1.388.829.480	1.313.589.480
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(843.654.979)	(810.426.637)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	311.918.929.732	317.277.472.858
- Nguyên giá	231		384.287.942.108	384.287.942.108
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(72.369.012.376)	(67.010.469.250)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.093.243.238	50.507.542.329
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	50.093.243.238	50.507.542.329
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		187.063.607.689	187.063.607.689
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	104.672.000.000	104.672.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	107.130.000.000	107.130.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.13	(24.738.392.311)	(24.738.392.311)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.974.703.072	2.319.780.031
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.974.703.072	2.319.780.031
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.428.755.199.491	1.475.559.378.080

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		789.376.350.428	836.691.185.690
I. Nợ ngắn hạn	310		399.928.881.887	447.197.590.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	12.015.008.119	12.069.602.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.786.265.516	14.962.372.072
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.002.401.774	2.054.656.553
4. Phải trả người lao động	314		456.197.984	2.312.879.405
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	203.270.346.108	202.408.471.984
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	-	22.042.553
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	77.602.861.107	87.119.612.247
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	80.204.179.538	119.672.514.809
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.591.621.741	6.575.437.741
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		389.447.468.541	389.493.595.344
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-

Công ty cổ phần Long Hậu

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính giữa niên

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	903.744.682	903.744.682
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	24.315.789.715	24.781.470.315
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	118.530.452.985	118.530.452.985
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		245.697.481.159	245.277.927.362
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		639.378.849.063	638.868.192.390
I. Vốn chủ sở hữu	410		639.378.849.063	638.868.192.390
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	260.826.270.000	260.826.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.21	260.826.270.000	260.826.270.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.21	(721.980.000)	(721.980.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	79.295.744.256	79.295.744.256
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	299.978.814.807	299.468.158.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		299.468.158.134	299.468.158.134
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		510.656.673	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.428.755.199.491	1.475.559.378.080


Nguyễn Tấn Phong
Người lập

Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởng

Long An, ngày 17 tháng 4 năm 2015

Trần Hồng Sơn
Tổng giám đốc

Công ty cổ phần Long Hậu

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

giữa niên độ

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	27.358.883.627	34.776.767.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	27.358.883.627	34.776.767.964
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.967.510.168	15.628.548.383
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.391.373.459	19.148.219.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	536.582.864	1.727.088.289
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.203.874.919	42.970.131.638
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.197.385.012	9.547.660.595
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	390.023.545	664.366.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.923.138.558	7.091.630.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.410.919.301	(29.850.820.294)
11. Thu nhập khác	31		38.267.843	733.663.345
12. Chi phí khác	32		518.976.674	72.641.083
13. Lợi nhuận khác	40		(480.708.831)	661.022.262
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		930.210.470	(29.189.798.032)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		419.553.797	2.650.206.381
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		510.656.673	(31.840.004.413)

Long An, ngày 17 tháng 4 năm 2015



Nguyễn Tấn Phong
Người lập



Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởng




Trần Hồng Sơn
Tổng giám đốc

Công ty cổ phần Long Hậu

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Quý I năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		41.494.553.419	79.377.830.717
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(17.551.863.228)	(13.346.654.395)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6.699.397.273)	(6.237.799.446)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(5.197.378.771)	(12.672.787.320)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		8.948.700.363	10.786.428.809
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(27.781.364.541)	(10.195.301.948)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.786.750.031)	47.711.716.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(135.707.337)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			30.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(135.707.337)	30.450.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.106.196.391)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(39.468.335.271)	4.301.535.271
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(93.474.800.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.997.999.650)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.572.531.312)	(89.173.264.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(59.494.988.680)	(11.011.548.312)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		118.805.441.745	56.221.283.936
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		59.310.453.065	45.209.735.624

Long An, ngày 17 tháng 4 năm 2015


Nguyễn Tấn Phong
Người lập

Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởngTrần Hồng Sơn
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Long Hậu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100727545 (số cũ là 5003000142) đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp. Ngoài ra, Công ty còn được cấp các Giấy chứng nhận đầu tư sau:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000001 ngày 01 tháng 12 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Long An cấp về việc được quyền phát triển khu công nghiệp Long Hậu và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. Giấy chứng nhận này được điều chỉnh lần đầu vào ngày 03 tháng 5 năm 2007.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000150 ngày 11 tháng 6 năm 2009 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Long An cấp về việc phát triển khu công nghiệp Long Hậu (giai đoạn mở rộng) và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000156 ngày 03 tháng 7 năm 2009 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Long An cấp về việc xây dựng khu lưu trú 05 tầng bên trong Khu công nghiệp Long Hậu.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 50121000141 ngày 07 tháng 8 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp về việc đầu tư xây dựng khu dân cư – tái định cư xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Công ty đang tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để bắt đầu phát triển dự án khu công nghiệp Long Hậu III theo văn bản số 672/TTg-KTN ngày 26 tháng 4 năm 2010 do Thủ tướng ban hành quy định về việc quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp ở Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 260.826.270.000 VND

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh từ ngày 23 tháng 3 năm 2010 với mã chứng khoán là LHG.

Số lao động tại ngày 31/12/2013 là: 118 người

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Điện thoại : (84-8)37818929

Fax : (84-8)37818940

E-mail : lhc@longhau.com.vn

Mã số thuế : 1100727545

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Giáo dục mầm non;
- Quảng cáo (thực hiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng hệ thống cấp thoát nước, thủy lợi;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Mua bán nhà ở, chung cư, nhà xưởng, kho, bến bãi, bãi đỗ xe, cho thuê đất, cho thuê nhà, cho thuê nhà xưởng;
- Kinh doanh bán lẻ xăng dầu;
- San lấp mặt bằng;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, tư vấn đầu tư, xây dựng (trừ kinh doanh thiết kế công trình). Xây dựng giao thông. Trang trí nội thất, ngoại thất. Xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế hải quan, dịch vụ viễn thông, thể dục thể thao. Phân phối điện, khai thác và lọc nước, trồng hoa cây cảnh. Vận chuyển, đưa đón công nhân. Tư vấn và cung cấp phần mềm. Trồng cây lâu năm;
- Kinh doanh dược phẩm. Sản giao dịch bất động sản. Cung cấp nước thải sau xử lý. Kinh doanh chợ. Dịch vụ ăn uống. Giáo dục và đào tạo;
- Dịch vụ khám chữa bệnh (hình thức phòng khám đa khoa);
- Dịch vụ tư vấn quản lý chất lượng và môi trường. Dịch vụ quan trắc môi trường;
- Sản xuất và kinh doanh nước sạch. Sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết. Xử lý nước thải và kinh doanh nước thải sau xử lý.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Bộ tài chính ban hành theo **Thông tư số 200/TT-BTC được ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.**
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá theo tỷ giá mua vào bình quân của các Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí phát triển khu công nghiệp và khu dân cư.

Khu công nghiệp

Chi phí phát triển khu công nghiệp được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển khu công nghiệp, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành khu công nghiệp và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Khu dân cư – tái định cư:

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm: quyền sử dụng đất; chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; chi phí vay; chi phí lập kế hoạch và thiết kế; chi phí giải phóng mặt bằng; chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp; thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các

chi phí khác có liên quan; tiền hoa hồng không hoàn lại trả cho đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán các lô bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày bảng cân đối kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đối với nghiệp vụ bán hàng được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị khác	03-07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

H.S.D.K.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà xưởng xây sẵn cho thuê	15
Khu lưu trú	25

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao 10 năm.

Quyền sáng chế:

Nguyên giá của quyền sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Quyền sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Phần mềm máy tính:

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- + Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- + Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- + Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- + Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- + Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một số khoản đầu tư, **phân chênh lệch** giữa giá trị **thanh lý** thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào **thu nhập** hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, cải tạo hệ thống đường ống cấp nước và các chi phí sửa chữa khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1.5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí Công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng:

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đất đã được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền theo tiến độ của Hợp đồng.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng:

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện:

Đối với tài sản cho thuê mà nhận trước tiền thuê trong nhiều kỳ kế toán sẽ được phân bổ đều.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8

Tiền lãi:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và có khả năng thu hồi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia:

u/
VC
PH
G
IC

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Giá vốn:

Giá vốn cho thuê lại đất khu công nghiệp, giá vốn khu dân cư được ước tính và ghi nhận trên cơ sở phân bổ tổng chi phí đầu tư dự toán ban đầu và các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm tiền thuê đất, chi phí đền bù đất, san lấp, hệ thống đường bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng,.. của khu công nghiệp, khu dân cư Long Hậu.

Hiện tại công tác xây dựng chưa quyết toán và giá vốn sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 501221000001 ngày 03 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản Lý các khu công nghiệp Long An cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải

nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế tài nguyên:

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước và được tính dựa vào sản lượng khai thác nước thô.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Báo cáo bộ phận:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp
Công ty Cổ phần Việt Âu
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn
Công ty JACCAR HOLDINGS
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Hoà Bình
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen

Cổ đông ảnh hưởng đáng kể
Cổ đông ảnh hưởng đáng kể
Cổ đông ảnh hưởng đáng kể
Cổ đông ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên kết
Công ty liên kết

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	31/03/2015	01/01/2015
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng	15.671.853.984	33.558.790.944
Các khoản tương đương tiền	43.638.599.081	85.246.650.801
Cộng	59.310.453.065	118.805.441.745
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.814.081.479	1.678.374.142
Cộng	1.814.081.479	1.678.374.142
3. Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn		
Bên liên quan	6.593.615.785	6.595.115.785
Bên thứ ba	379.422.948.570	385.924.943.570
Cộng	386.016.564.355	392.520.059.355
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Bên thứ ba	8.523.365.247	4.276.695.999
Cộng	8.523.365.247	4.276.695.999
5. Phải thu khác ngắn hạn		
<i>Bên liên quan</i>		
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ IGREEN – Chi hộ</i>	245.454.545	245.454.545
<i>Công ty Cổ phần Phát Triển Nam Sài Gòn – Chi hộ</i>	418.169.250	418.169.250
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Hạ Tầng Hòa Bình</i>	3.675.000.000	3.675.000.000
<i>Bên thứ ba</i>		
<i>Tiền đền bù đất</i>	8.525.760.000	7.368.170.000
<i>Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ</i>	422.778.993	422.580.809
<i>Tạm ứng</i>	2.193.041.017	459.234.259
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	9.400.000	15.400.000
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	33.622.790	33.622.790
<i>Phải thu khác</i>	32.976.716	31.650.000
Cộng	15.556.203.311	12.669.281.653
6. Hàng tồn kho		
Chi phí đầu tư xây dựng Khu công nghiệp, khu dân cư (*)	282.318.375.362	263.282.980.715
Hàng hóa bất động sản	-	8.696.826.668
Nguyên vật liệu	135.072.374	146.004.946
Thành phẩm bất động sản	8.696.826.668	-
Thành phẩm nước đóng chai	10.692.721	22.674.720
Cộng	291.160.967.125	272.148.487.049
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	291.160.967.125	272.148.487.049

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

(*) Bao gồm:	31/03/2015	01/01/2015
Chi phí đầu tư xây dựng khu công nghiệp Long Hậu 1	56.904.914.477	56.879.594.477
Chi phí đầu tư xây dựng khu công nghiệp Long Hậu 2	131.264.221.617	130.723.085.820
Chi phí đầu tư xây dựng khu công nghiệp Long Hậu 3	25.518.751.118	12.012.600.727
Chi phí đầu tư xây dựng khu chuyên gia chuyển đổi	5.574.626.458	390.019.819
Chi phí đầu tư xây dựng khu dân cư	63.055.861.692	63.277.679.872
Cộng	282.318.375.362	263.282.980.715

Tài sản hình thành từ dự án "Khu Công nghiệp Long Hậu 2" được dùng để đảm bảo khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/03/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ	120.723.290	343.434.249
Chi phí hoa hồng môi giới Khu dân cư	505.908.462	-
Chi phí chiết khấu thanh toán Khu dân cư	451.300.496	-
Chi phí quảng cáo	358.703.500	-
Chi phí bản quyền	3.227.503	-
Sửa chữa cải tạo HT chữa cháy nhà điều hành	76.452.309	-
Chi phí sửa chữa máy phát điện	107.767.917	-
Chi phí khác	-	957.208.958
Cộng	1.624.083.477	1.300.643.207

8. Phải thu khác ngắn hạn	31/03/2015	01/01/2015
Bên thứ ba	51.496.760.532	51.496.760.532
Cộng	51.496.760.532	51.496.760.532

9. Phải thu về cho vay dài hạn	31/03/2015	01/01/2015
- Bên liên quan		
Công ty cổ phần công nghệ Igreen	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2015	61.292.492.253	5.443.124.063	14.015.428.818	843.617.902	1.700.425.016	83.295.088.052
Tăng	-	112.320.000	-	-	-	112.320.000
31/03/2015	61.292.492.253	5.555.444.063	14.015.428.818	843.617.902	1.700.425.016	83.407.408.052
Khấu hao lũy kế						
01/01/2015	13.206.220.345	3.042.022.660	8.211.216.333	774.856.622	242.917.860	25.477.233.820
Tăng	853.724.067	154.779.823	358.265.916	16.457.958	64.098.216	1.447.325.980
31/03/2015	14.059.944.412	3.196.802.483	8.569.482.249	791.314.580	307.016.076	26.924.559.800

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Giá trị còn lại						
01/01/2015	48.086.271.908	2.401.101.403	5.804.212.485	68.761.280	1.457.507.156	57.817.854.232
31/03/2015	47.232.547.841	2.358.641.580	5.445.946.569	52.303.322	1.393.408.940	56.482.848.252

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính và bản quyền	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2015	237.800.000	181.818.182	893.971.298	1.313.589.480
Tăng	-	-	75.240.000	75.240.000
31/03/2015	237.800.000	181.818.182	969.211.298	1.388.829.480
Khấu hao lũy kế				
01/01/2015	130.789.982	20.202.024	659.434.631	810.426.637
Tăng	5.945.001	5.050.506	22.232.835	33.228.342
31/03/2015	136.734.983	25.252.530	681.667.466	843.654.979
Giá trị còn lại				
01/01/2015	107.010.018	161.616.158	234.536.667	503.162.843
31/03/2015	101.065.017	156.565.652	287.543.832	545.174.501

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà xưởng giai đoạn mở rộng	Nhà xưởng	Khu lưu trú	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2015	26.317.910.413	167.136.581.568	190.833.450.127	384.287.942.108
Tăng	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
31/03/2015	26.317.910.413	167.136.581.568	190.833.450.127	384.287.942.108
Khấu hao lũy kế				
01/01/2015	1.455.158.097	39.353.047.943	26.202.263.210	67.010.469.250
Tăng	445.301.955	2.999.889.651	1.913.351.520	5.358.543.126
31/03/2015	1.900.460.052	42.352.937.594	28.115.614.730	72.369.012.376
Giá trị còn lại				
01/01/2015	24.862.752.316	127.783.533.625	164.631.186.917	317.277.472.858
31/12/2015	24.417.450.361	124.783.643.974	162.717.835.397	311.918.929.732

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	31/03/2015	01/01/2015
Hệ thống cung cấp nước	7.316.205.402	7.316.205.402
Dự án Long Hậu 3 cũ	41.925.110.563	43.082.700.563
Dự án nhà xưởng	711.790.909	-
Công trình khác	140.136.364	108.636.364
Cộng	50.093.243.238	50.507.542.329

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	% sở hữu	Giá trị đầu tư		Ngành nghề	Địa chỉ
		31/03/2015	01/01/2015		
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	49,00%	84.672.000.000	84.672.000.000	Bất động sản	Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen	40,00%	20.000.000.000	20.000.000.000	Công nghệ thông tin	Phường Tân Phú, Quận 7, Thành Phố HCM

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Cộng	104.672.000.000	104.672.000.000		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
	31/03/2015		01/01/2015	
Đầu tư cổ phiếu	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định	1.226.875	19.630.000.000	1.226.875	19.630.000.000
Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	80.000	80.000.000.000	80.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản Xuất Cấp Quang và Phụ Kiện Việt Đức	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Cộng	2.056.875	107.130.000.000	2.056.875	107.130.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
		31/03/2015	01/01/2015	
Dự phòng khoản đầu tư dài hạn khác		24.738.392.311	24.738.392.311	
Công ty Cổ phần Sản Xuất Cấp Quang và Phụ Kiện Việt Đức		4.738.392.311	4.738.392.311	
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen		20.000.000.000	20.000.000.000	
Cộng		24.738.392.311	24.738.392.311	
15. Chi phí trả trước dài hạn				
		31/03/2015	01/01/2015	
Chi phí vật tư khối nhà máy		16.477.179	22.545.360	
Chi phí sửa chữa văn phòng và hệ thống điện		1.131.727.990	1.148.453.035	
Chi phí cài tạo hệ thống đường ống cấp nước		23.114.541	30.819.390	
Chi phí lắp đặt vòi chữa cháy		30.605.009	40.806.674	
Bồn nước dự phòng		40.671.942	50.839.929	
Bảng quảng cáo		336.721.048	462.991.444	
Công cụ dụng cụ		97.956.270	235.246.017	
Tiền thuê đất đặt bảng quảng cáo		108.000.000	118.800.000	
Sửa chữa, cài tạo trạm xử lý nước cấp		189.429.093	209.278.182	
Cộng		1.974.703.072	2.319.780.031	
16. Phải trả người bán và người mua trả trước ngắn hạn				
		31/03/2015	01/01/2015	
Phải trả người bán	(16.1)	12.015.008.119	12.069.602.982	
Người mua trả trước	(16.2)	19.786.265.516	14.962.372.072	
Cộng		31.801.273.635	27.031.975.054	
(16.1) Bao gồm:				
- Bên liên quan				
Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận		1.835.025.075	1.835.025.075	
- Bên thứ ba		10.179.983.044	10.234.577.907	
Cộng		12.015.008.119	12.069.602.982	
(16.2) Bao gồm:				
- Bên thứ ba		19.786.265.516	14.962.372.072	
Cộng		19.786.265.516	14.962.372.072	

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

	31/03/2015	01/01/2015
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	748.017.349	1.811.841.659
Thuế thu nhập cá nhân	207.366.529	155.763.243
Thuế tài nguyên	47.017.896	47.119.371
Thuế khác	-	39.932.280
Cộng	1.002.401.774	2.054.656.553
18. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Trích trước chi phí cơ sở hạ tầng của các khu đất đã được ghi nhận doanh thu	184.631.036.061	183.446.308.461
Trích trước tiền thuê đất phải nộp của các khu đất đã được ghi nhận doanh thu	16.101.630.125	16.101.630.125
Chi phí phải trả khác	2.537.679.922	2.860.533.398
Cộng	203.270.346.108	202.408.471.984
19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Giá trị	
Số đầu năm	22.042.553	
Kết chuyển doanh thu trong năm	(22.042.553)	
Số cuối kỳ	-	
20. Phải trả khác ngắn hạn		
- Bên liên quan		
<i>Phải trả khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Phát triển Công Nghiệp Tân Thuận (IPC)</i>	<i>31.053.725.111</i>	<i>32.740.361.464</i>
- Bên thứ ba		
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>2.018.606.611</i>	<i>2.010.368.927</i>
<i>Phải trả thỏa thuận giữ đất</i>	<i>11.839.456.116</i>	<i>8.353.309.916</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>15.912.263.900</i>	<i>27.044.880.900</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>16.778.809.369</i>	<i>16.970.691.040</i>
Cộng	77.602.861.107	87.119.612.247
21. Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả		
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (18.1)	55.157.179.538	86.276.514.809
- Ngân hàng phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long An (18.2)	13.797.000.000	18.396.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè (18.3)	11.250.000.000	15.000.000.000
Cộng	80.204.179.538	119.672.514.809

(18.1) Khoản vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để thực hiện dự án "Khu Công nghiệp Long Hậu mở rộng" và để tái cấu trúc tài chính

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay thuộc Dự án đầu tư Khu Công nghiệp Long Hậu mở rộng và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là dự án "Khu nhà điều hành Khu công nghiệp Long Hậu" và các tài sản sau:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hạ Tầng Hòa Bình;
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước;

(18.2) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Long An để đầu tư dự án "Khu lưu trú Khu công nghiệp Long Hậu". Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án Khu lưu trú Khu công nghiệp Long Hậu.

(18.3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè để thực hiện dự án "Nhà xưởng xây sẵn trong Khu công nghiệp Long Hậu". Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/03/2015	01/01/2015
Quỹ khen thưởng	1.004.193.409	1.320.893.409
Quỹ phúc lợi	4.587.428.332	5.254.544.332
Cộng	5.591.621.741	6.575.437.741
23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	Giá trị	
Số đầu năm	903.744.682	
Phân bổ doanh thu trong năm	-	
Số cuối kỳ	903.744.682	
24. Phải trả khác dài hạn	31/03/2015	01/01/2015
- Bên thứ ba		
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>24.315.789.715</i>	<i>24.781.470.315</i>
Cộng	24.315.789.715	24.781.470.315
25. Vay và nợ thuê tài chính chưa đến hạn		
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	52.081.452.985	52.081.452.985
- Ngân hàng phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long An	15.949.000.000	15.949.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	50.500.000.000	50.500.000.000
Cộng	118.530.452.985	118.530.452.985
26. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Quý I- năm 2015	Quý I- năm 2014
Số đầu năm	245.277.927.362	223.446.067.575
Phát sinh tăng	419.553.797	2.650.206.381
Số cuối kỳ	245.697.481.159	226.096.273.956
27. Nguồn vốn chủ sở hữu		
Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu		
	Tại ngày	Tại ngày
	01/01/2015	31/03/2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	260.826.270.000	260.826.270.000
	Tăng	Giảm
	-	-

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Cổ phiếu quỹ	(721.980.000)	-	-	(721.980.000)
Quỹ đầu tư phát triển	79.295.744.256	-	-	79.295.744.256
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	299.468.158.134	510.656.673	-	299.978.814.807
Cộng	638.868.192.390	510.656.673	-	639.378.849.063

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng	3.562.570.553	15.873.563.200
Doanh thu bán đất nền khu dân cư	-	-
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú	14.000.055.807	11.989.678.171
Doanh thu các hoạt động khác	9.796.257.267	6.913.526.593
Tổng doanh thu	27.358.883.627	34.776.767.964
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng doanh thu thuần	27.358.883.627	34.776.767.964
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng	1.184.727.600	5.269.705.937
Giá vốn bán đất nền khu dân cư	17.493.800	10.219.170
Giá vốn cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú	6.117.915.759	6.121.300.715
Giá vốn các hoạt động khác	6.647.373.009	4.227.322.561
Cộng	13.967.510.168	15.628.548.383
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	536.582.864	401.067.969
Lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	19.807.358
Lãi phân kỳ theo phương thức thanh toán chậm hoạt động cho thuê đất công nghiệp	-	186.971.333
Lãi tiền cho vay	-	1.119.241.629
Cộng	536.582.864	1.727.088.289
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	5.197.385.012	9.547.660.595
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	33.422.471.043
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.489.907	-
Cộng	5.203.874.919	42.970.131.638
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí bằng tiền khác	390.023.545	664.366.000
Cộng	390.023.545	664.366.000
6. Chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên	4.364.084.634	4.606.753.377
Chi phí khấu hao	1.060.689.090	1.081.792.203

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.285.220	162.927.524
Chi phí bằng tiền khác	1.378.079.614	1.240.157.422
Cộng	6.923.138.558	7.091.630.526

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt như sau:

Trong quý 1 năm 2015 Công ty đã trả thu nhập cho thành viên chủ chốt là 371.863.000 đồng, so với 635.675.000 đồng trong quý 1 năm 2014.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận
 Công ty cổ phần Việt Âu
 Công cổ phần phát triển Nam Sài Gòn
 Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước
 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ Tầng
 Công ty cổ phần công nghệ Igreen

Mối quan hệ

Công ty góp vốn
 Công ty góp vốn
 Công ty góp vốn
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận		
Nhận hợp tác đầu tư	-	2.330.655.645
Phải thu nước tinh khiết	7.250.000	4.200.000
Thu nước tinh khiết	8.310.000	4.120.000
Thanh toán lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	2.106.196.391	-
Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư phát sinh	419.560.038	-
Khoản chi hộ tiền bồi thường	-	8.850.798.011

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/03/2015	01/01/2015
Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận		
Phải thu nước tinh khiết	8.820.000	10.320.000

Công ty cổ phần phát triển Nam Sài Gòn

Phải thu khác liên quan đến khu dân cư	6.584.795.785	6.584.795.785
Phải thu do chi hộ	418.169.250	418.169.250

Công ty cổ phần công nghệ Igreen

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu do chi hộ	245.454.545	245.454.545
Cộng nợ phải thu	12.257.239.580	12.258.739.580

Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận

Phải trả mua nhà máy nước	1.835.025.075	1.835.025.075
Hợp tác đầu tư	21.640.000.000	21.640.000.000
Khoản khoản lợi nhuận phải trả	419.560.038	2.106.196.391
Phải trả khác	8.994.165.073	8.994.165.073
Cộng nợ phải trả	32.888.750.186	34.575.386.539

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3. Thông tin so sánh

Một vài số liệu được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số (cũ)	Báo cáo kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày		Mã số	Trình bày lại số dư đầu năm 01/01/2015
		31/12/2014			
Phải thu ngắn hạn khác	135	12.194.647.394	136		12.669.281.653
Tài sản ngắn hạn khác	158	474.634.259	155		-
Phải thu về cho vay dài hạn		-	215		5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258	112.130.000.000	253		107.130.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	318		22.042.553
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338	925.787.235	336		903.744.682
Quỹ đầu tư phát triển	417	51.598.564.297	418		79.295.744.256
Quỹ dự phòng tài chính	418	27.697.179.959			..

3. Những ảnh hưởng trọng yếu

So cùng kỳ năm trước, Doanh thu sụt giảm 20% nhưng kết quả kinh doanh lãi khoảng 510 triệu là do:

- + Thứ nhất, Công ty đã giảm chi phí lãi vay chỉ còn 60% so cùng kỳ năm trước.
- + Thứ hai, Quý I - năm 2014, Công ty bị lỗ thanh lý khoản đầu tư dài hạn khoảng 33 tỷ.



Nguyễn Tấn Phong
 Người lập



Phạm Thị Như Anh
 Kế toán trưởng



Long An, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Trần Hồng Sơn
 Tổng Giám đốc